

ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG NGHIÊN CỨU VỀ KHOA HỌC XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

TS. Trần Xuân Định

Nguyên Phó Vụ trưởng, Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ KH&CN

Tóm tắt:

Khoa học xã hội (KHXH) ở nước ta có lịch sử lâu năm và giữ vị trí rất quan trọng trong hệ thống các lĩnh vực khoa học. Mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về KHXH được định hướng theo các mục tiêu hiện đại, dân chủ, xã hội hóa và tự chủ (autonomy), kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học và giảng dạy đại học và sau đại học. Bài viết trình bày những nghiên cứu, phân tích và đánh giá những mặt tích cực và những hạn chế của mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về KHXH&NV ở nước ta trong thời gian qua. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu đã đề xuất các khuyến nghị đổi mới mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về KHXH&NV ở nước ta trong thời kỳ mới.

I. MỞ ĐẦU

Như chúng ta đã biết, hệ thống nghiên cứu về KHXH có lịch sử phát triển từ năm 1953, khi nước ta còn đang trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Khi đó mới chỉ là Ban nghiên cứu về Văn - Sử - Địa với quy mô nhỏ, do Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ký quyết định thành lập (Quyết định số 34/NQ/TW ngày 02/12/1953). Gần 60 năm đã trôi qua, các tổ chức nghiên cứu về KHXH ngày nay đã phát triển thành hệ thống, bao gồm các tổ chức nghiên cứu của Nhà nước, của Đảng cộng sản Việt Nam, của các tổ chức chính trị - xã hội, của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức phi chính phủ khác nghiên cứu về KHXH. Lĩnh vực nghiên cứu phổ quát tất cả các khối ngành khoa học (KHXH, khoa học nhân văn, kinh tế - quản trị kinh doanh, văn hóa - nghệ thuật và sư phạm).

Sự lớn mạnh về lượng và về chất của hệ thống nghiên cứu về KHXH ở nước ta gắn liền với sự lớn mạnh và trưởng thành của đất nước, của hệ thống quản lý nhà nước về KH&CN, của đội ngũ những người làm công tác nghiên cứu về KHXH. Nhìn từ một khía cạnh khác, sự lớn mạnh của hệ thống nghiên cứu về KHXH được thể hiện ở mối liên kết (giữa các tổ chức và cá nhân) trong phát triển ở phạm vi toàn quốc và ở sự hợp tác và liên kết quốc tế. Ngày nay, hệ thống nghiên cứu về KHXH ở nước ta có mối quan hệ và hợp tác quốc tế với hàng trăm đối tác ở nhiều nước trên thế giới (Nga, Trung Quốc, Pháp, Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Campuchia,...), đồng

thời mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế nhằm chia sẻ thông tin, trao đổi học thuật, phối hợp nghiên cứu và đào tạo cán bộ.

Bài viết trình bày những phân tích, đánh giá mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về KHXH ở nước ta, đồng thời đề xuất một số ý tưởng đổi mới mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về KHXH ở nước ta trong thời kỳ phát triển mới.

II. NHỮNG MẶT TÍCH CỰC TRONG MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG NGHIÊN CỨU VỀ KHOA HỌC XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

1. Mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta đã đáp ứng được nhu cầu phát triển của đất nước qua các thời kỳ

Gắn với sự phát triển của đất nước, hệ thống nghiên cứu về KHXH ra đời trong kháng chiến chống thực dân Pháp và không ngừng phát triển cho tới ngày nay. Lịch sử phát triển của hệ thống nghiên cứu về KHXH có thể được chia ra 4 thời kỳ như sau:

- Thời kỳ hình thành và bước đầu phát triển (1953 - 1959) với nhiệm vụ cấp bách là sưu tầm và nghiên cứu về lịch sử, địa lý và văn học Việt Nam; biên soạn những tài liệu về sử học, địa lý và văn học phục vụ cho công cuộc kháng chiến và kiến quốc trong thời kỳ đầu;
- Thời kỳ trưởng thành, nghiên cứu phục vụ 2 nhiệm vụ chiến lược là xây dựng miền Bắc, giải phóng miền Nam (1959 - 1975). Lúc này đã hình thành các viện nghiên cứu cơ bản trực thuộc Ủy ban Khoa học Nhà nước/Viện KHXH Việt Nam;
- Thời kỳ thống nhất đất nước (1976 - 1985): hệ thống các tổ chức nghiên cứu về KHXH được mở rộng (có thêm các tổ chức nghiên cứu ở các trường đại học và ở các Bộ/Ngành);
- Thời kỳ đổi mới và phát triển đầy đủ (1986 - nay): hệ thống các tổ chức nghiên cứu về KHXH phát triển nhanh về số lượng và quy mô, xuất hiện thêm các tổ chức nghiên cứu về KHXH phi chính phủ. Phát triển nhanh công tác đào tạo nhân lực trình độ cao về KHXH, đặc biệt là đào tạo sau đại học.

Có thể nói rằng quá trình phát triển của hệ thống nghiên cứu về KHXH gắn liền với quá trình phát triển của đất nước. Đến lượt mình, hệ thống nghiên cứu về KHXH đã có những đóng góp to lớn, đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước, từ việc nghiên cứu đề xuất chiến lược phát triển đất nước, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao tri thức xã hội, nâng cao dân trí, kinh nghiệm quốc tế... Đặc biệt cần nhấn mạnh vai trò to lớn của hệ thống nghiên cứu về KHXH trong hoạt động tư vấn và đào tạo cán bộ về KHXH có trình độ cao.

Tóm lại, mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về KHXH ở nước ta có thể nói là thích hợp với thời kỳ đầu của sự phát triển. Tuy nhiên, để KHXH đóng góp được nhiều hơn cho phát triển đất nước cũng như có thể hòa nhập sâu hơn và hiệu quả hơn với cộng đồng quốc tế, đòi hỏi phải tái cấu trúc và đổi mới hoạt động. Đó vừa là mục tiêu, vừa là trách nhiệm của cơ quan quản lý cũng như của bản thân các nhà khoa học hoạt động trong lĩnh vực KHXH.

2. Mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta bước đầu đã có sự hòa nhập với cộng đồng quốc tế

Thời đại ngày nay là thời đại của toàn cầu hóa. Một quốc gia muốn phát triển phải biết đặt mình vào không gian phát triển chung của toàn cầu. Mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về KHXH ở nước ta trước tiên là vì lợi ích của dân tộc, nhưng nhiều kết quả hoạt động của KHXH lại có ý nghĩa toàn cầu, trở thành thành quả của nhân loại. Có thể thấy rất rõ điều này trong các lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật, khảo cổ. Tuy nhiên, muốn đóng góp/công hiến được ngày một nhiều hơn cho đất nước và cho nhân loại thì một đòi hỏi khách quan là phải hòa nhập được với cộng đồng quốc tế, “biết mình biết người, trăm trận trăm thắng”.

Hệ thống nghiên cứu về KHXH của chúng ta, một mặt nghiên cứu tìm tòi lịch sử và kinh nghiệm phát triển của các nước khác để tìm ra cơ hội phát triển cho đất nước mình, mặt khác chúng ta cũng sẵn sàng giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm của đất nước mình với thế giới, giới thiệu với họ về lịch sử, địa lý, văn hóa, giáo dục, KH&CN... của nước ta. Chính thông qua các hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế, hệ thống nghiên cứu về KHXH của chúng ta ngày một tự hoàn chỉnh cả về trình độ nghiên cứu, cấu trúc hệ thống, phương pháp luận tư duy, trình độ ngoại ngữ giao tiếp, kinh nghiệm phát triển nguồn nhân lực, phương pháp đào tạo... Đất nước đã tạo điều kiện sản sinh ra đội ngũ trí thức về KHXH, đến lượt mình đội ngũ trí thức về KHXH chắc chắn có những đóng góp cho đất nước ngày một thêm phát triển, giới thiệu tinh hoa Việt Nam với thế giới, làm cho thế giới hiểu và ủng hộ Việt Nam, góp phần nâng cao vị thế của đất nước Việt Nam trên trường quốc tế. Hòa nhập với cộng đồng nghiên cứu quốc tế là một trong những thành công nổi bật bước đầu của hệ thống nghiên cứu về KHXH ở nước ta trong thời gian qua.

Nói thành quả mới chỉ là bước đầu vì chúng ta “chưa quen”, chúng ta cần có thêm thời gian để vững vàng bước ra biển lớn. Nhược điểm cố hữu hạn chế chúng ta là ngoại ngữ, đặc biệt là ngôn ngữ giao tiếp chủ yếu là tiếng Anh. Có thể khẳng định về tổng thể, các thế hệ 60s đến 90s của thế kỷ trước rất yếu về ngoại ngữ (ai đó không đồng ý thì nên tự xem là ngoại lệ). Thế hệ từ

năm 2000 là thế hệ chuyển tiếp để các thế hệ sau có phát triển đột biến. Tiếng Anh kém làm hạn chế chúng ta trong tham khảo tài liệu, giao tiếp, trao đổi, thảo luận, viết báo cáo khoa học hay các công bố khoa học nói chung. Khắc phục được nhược điểm này, chắc chắn các thế hệ sau sẽ có sự hòa nhập mạnh mẽ và chắc chắn tăng cường giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, cùng phối hợp nghiên cứu, từ đó có nhiều công bố khoa học hơn với cộng đồng quốc tế.

3. Mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta là mô hình mở, phát triển để hoàn thiện

Trong gần 60 năm qua, hệ thống nghiên cứu về KH&XH ở nước ta đã có bước tiến dài về mọi mặt, đặc biệt là về phát triển tổ chức. Mô hình mở của hệ thống nghiên cứu về KH&XH dựa trên nền tảng của Luật KH&CN, theo đó mọi tổ chức và cá nhân (thuộc mọi thành phần kinh tế, trong và kể cả ngoài nước) được thành lập các tổ chức KH&CN và tiến hành các hoạt động KH&CN trên lãnh thổ Việt Nam trên cơ sở tuân thủ luật pháp Việt Nam. Hệ thống mở là nói đến sự phát triển không có hạn chế về số lượng, về quy mô, về lĩnh vực hoạt động, về nguồn gốc tài chính. Mô hình mở thể hiện đường lối rộng mở của Đảng và Nhà nước ta. Nó mở đường và tạo cơ hội phát triển cho các nhà khoa học mong muốn được đem tri thức phục vụ cho phát triển đất nước, phát triển xã hội, phát triển kinh tế, phát triển văn hóa. Sự cống hiến cho đất nước cũng đồng thời là để cho các nhà khoa học thể hiện bản thân mình. Nói cho hết nhẽ, những người không đồng hành với các nhà khoa học vừa nêu cũng sẽ không có đất dụng võ ngay cả khi hệ thống của chúng ta là hệ thống mở.

Hệ thống mở là nói chung cho toàn hệ thống. Với quy mô dân số, tiềm lực tài chính còn đang hạn hẹp, hệ thống mở đòi hỏi tái cấu trúc các tổ chức nghiên cứu khoa học do Ngân sách Nhà nước tài trợ theo xu hướng khoa học, hợp lý, tập trung và có quy mô lớn; đặc biệt tránh xu hướng “cát cứ” và trùng lặp.

4. Mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta cho phép hoạt động khoa học xã hội một cách dân chủ, độc lập khách quan và định hướng phục vụ cho lợi ích của đất nước

Để tạo điều kiện thuận lợi cho sự tiếp cận đồng thuận với phân tích đánh giá này, trước tiên xin được trích dẫn một số văn bản của Đảng và Nhà nước về quản lý KH&CN:

- Nghị quyết 26-NQ/TU ngày 30/3/1991 của Bộ chính trị về KH&CN trong sự nghiệp đổi mới nhân mạnh: Xây dựng quy chế dân chủ trong mọi sinh hoạt KH&CN.

- Luật KH&CN với một số nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Dân chủ và bình đẳng trong hoạt động KH&CN;
 - + Mọi tổ chức và cá nhân được tiến hành các hoạt động KH&CN;
 - + Mọi tổ chức và cá nhân được thành lập hoặc tham gia thành lập các tổ chức nghiên cứu và triển khai và các tổ chức dịch vụ KH&CN, đăng ký hoạt động tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, sau đó tiến hành các hoạt động KH&CN;
 - + Lần đầu tiên cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, các tổ chức nước ngoài cũng như các nhà khoa học nước ngoài được thành lập hoặc liên kết thành lập các tổ chức KH&CN, đăng ký hoạt động tại Việt Nam;
- Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 06/9/2005 của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập.

Những văn bản nêu trên minh chứng rằng Nhà nước ta luôn mong muốn và khuyến khích thiết lập bầu không khí dân chủ trong hoạt động KH&CN.

Khi phân tích nhu cầu của các nhà khoa học, Maslow đã phân chia ra hai loại nhu cầu chủ yếu, đó là nhu cầu được coi trọng (nhu cầu tinh thần) và nhu cầu vật chất. Nhu cầu đó chỉ được đáp ứng khi nhà khoa học được sống và làm việc trong môi trường dân chủ và tự do sáng tạo. Dân chủ trong tự do bàn bạc và thể hiện chính kiến, tự do xác định vấn đề nghiên cứu, tự do xác định phương pháp nghiên cứu và lựa chọn cộng sự, tự do và tự chịu trách nhiệm trong việc công bố kết quả nghiên cứu, tự nguyện đóng góp và hiến dâng kết quả nghiên cứu cho phát triển tri thức của loài người hay cho phát triển cộng đồng. Có thể nhấn mạnh tới một hình thức dân chủ cao hơn, đó là dân chủ và hạnh phúc khi được mang kết quả nghiên cứu của mình đóng góp cho phát triển xã hội, đem lại nhiều lợi ích cho cộng đồng, cho nhân dân và cho đất nước. Điều này đặc biệt quan trọng đối với hoạt động khoa học trong lĩnh vực xã hội và nhân văn.

5. Mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta đang dần hướng tới mục tiêu xã hội hóa

Xã hội hóa trước tiên thể hiện ở chỗ quyền của mọi tổ chức và cá nhân (không phân biệt trình độ, giới tính, tuổi tác, thành phần kinh tế...) được tiến hành các hoạt động nghiên cứu.

Hệ thống các chính sách quản lý nhân lực KH&CN đã thể hiện Nhà nước mong muốn thực hiện xã hội hóa trong hoạt động KH&CN. Theo đó, Nhà nước không những cho phép mà còn khuyến khích mọi tổ chức và cá nhân tiến hành các hoạt động KH&CN. Phạm trù tổ chức nhấn mạnh đến tất cả

các loại hình tổ chức trong nước, nước ngoài và các tổ chức liên kết. Phạm trù cá nhân nhấn mạnh các công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và kể cả các nhà khoa học người nước ngoài. Tất nhiên Nhà nước yêu cầu mọi tổ chức và cá nhân phải hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật. Các văn bản tiêu biểu về vấn đề này có thể nêu lên như Luật KH&CN, Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ.

Xã hội hóa hoạt động KH&CN nói chung, KHXXH&NV nói riêng dùng để chỉ:

- Hoạt động khoa học không loại trừ/hạn chế bất kỳ ai, kể cả những người không được đào tạo cơ bản (không có bằng cấp). Đã có người gọi vui là các nhà khoa học “chân đất”;
- Hoạt động khoa học có thể thông qua thành lập tổ chức hoặc tự cá nhân tiến hành;
- Đa dạng hóa lĩnh vực nghiên cứu, phạm vi và quy mô nghiên cứu (tất nhiên trừ các lĩnh vực bị Luật KH&CN cấm);
- Đa dạng hóa nguồn vốn /tài chính dành cho nghiên cứu;
- Kết quả nghiên cứu được Nhà nước bảo hộ. Người nghiên cứu được toàn quyền quyết định các đối tượng được thụ hưởng các kết quả nghiên cứu và ứng dụng của mình.

Hướng tới mục tiêu xã hội hóa là hướng tới sự phát triển các tổ chức nghiên cứu và ứng dụng khoa học, huy động tối đa mọi nguồn lực cho phát triển (nhân lực, tài lực, vật lực), tạo cơ hội bình đẳng trong phát triển cho các nhà khoa học, trực tiếp và gián tiếp góp phần vào sự phát triển mạnh mẽ của đất nước.

6. Mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta định hướng theo mục tiêu tự quản (autonomy)

Gần đây, trong các văn bản quản lý Nhà nước về KH&CN thường hay nhắc tới cụm từ “tự chủ, tự chịu trách nhiệm” của các tổ chức KH&CN (Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 06/9/2005 của Chính phủ).

Về một phương diện nào đó, có thể xem “tự chủ, tự chịu trách nhiệm” ở đây giống như “autonomy” của phương Tây. Nhà nước trao quyền tự chủ rộng lớn cho các tổ chức KH&CN theo nghĩa tự quyết định: quy mô hoạt động, mục tiêu hoạt động, bộ máy tổ chức, nhân lực KH&CN và chính sách cán bộ, tự chủ về tài chính, hợp tác quốc tế...

Trong bài viết này, tác giả muốn bàn kỹ hơn về một “quyền” mà các nhà khoa học mong muốn Nhà nước nên trao cho các viện nghiên cứu khoa học

và các trường đại học, đó là quyền tự quyết định các chức danh khoa học giáo sư và phó giáo sư. Theo thông lệ quốc tế, các trường đại học được phép cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư và phó giáo sư cho các giảng viên tại trường và tự chịu trách nhiệm về uy tín của người được phong. Thực chất các chức danh giáo sư và phó giáo sư phản ánh trình độ, thâm niên giảng dạy và định mức tiền công hay tiền lương của mỗi giảng viên. Không có khái niệm giáo sư và phó giáo sư mang tính nhà nước và suốt đời. Ngay như ở Hàn Quốc, các trường đại học tự thực cũng tự phong các chức danh giáo sư và phó giáo sư. Tất nhiên, Nhà nước thực hiện chức năng quản lý thông qua việc định ra các tiêu chuẩn thống nhất và thực hiện chức năng thanh kiểm tra.

Thực ra, trên thế giới không có khái niệm giáo sư/phó giáo sư “chung chung và suốt đời”, mà các danh hiệu đó phải gắn với một trường đại học hay một viện nghiên cứu cụ thể. Mặt khác, khi được trao quyền tự quyết định các chức danh khoa học giáo sư và phó giáo sư, các trường/viện cũng không thể tiến hành một cách ồ ạt, thậm chí họ phải làm chặt chẽ hơn vì các lý do chủ yếu sau đây:

- Các trường/viện phải dựa vào bộ tiêu chuẩn quốc gia (quy định cho các chức danh giáo sư và phó giáo sư) do Nhà nước ban hành nhằm quản lý thống nhất trong phạm vi toàn quốc và một số quy định bổ sung của bản thân các trường/viện đề ra cho thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của mình;
- Các trường/viện phải giữ thương hiệu và uy tín của mình;
- Các trường/viện phải trả lương cho các nhà khoa học tương xứng với các chức danh khoa học do họ phong. Điều này có ý nghĩa tiên quyết.

7. Mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta hướng tới mục tiêu đào tạo phát triển nguồn nhân lực, ngày một tăng cường sự liên kết với các trường đại học

Hiện nay, nhân lực có trình độ đại học ở nước ta chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng số lực lượng lao động toàn xã hội. Có tài liệu nói con số đó chỉ chiếm 2% [6] vào năm 2000, thấp hơn nhiều ngay cả so với các nước trong khu vực (5% ở Trung Quốc và 8% ở Ấn Độ). Điều đó đặt ra nhiệm vụ nặng nề cho vấn đề phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực trình độ cao. Đội ngũ giảng viên đại học còn thiếu về số lượng và nhiều người còn yếu về chất lượng. Nhiều giảng viên phải dạy số tiết gấp 3 lần so với quy định. Khắc phục tình trạng này là một bài toán khó, không giải quyết được “một sớm một chiều”. Giải pháp mang tính cứu cánh lại nằm ở chỗ tăng cường liên kết giữa viện với trường trong phát triển nhân lực trình độ cao theo các định hướng sau đây:

- Tăng cường tối đa có thể số cán bộ nghiên cứu ở các viện tham gia giảng dạy ở các trường đại học theo chế độ thỉnh giảng/kiêm nhiệm;
- Khuyến khích các viện nghiên cứu khoa học đẩy mạnh đào tạo nhân lực KHXH&NV trình độ thạc sĩ và tiến sĩ thông qua sự liên kết với các trường đại học theo quy định của Luật Giáo dục;
- Khuyến khích xã hội hóa đào tạo nhân lực KHXH có trình độ đại học/cao đẳng. Tuy nhiên cũng cần hiểu rằng khối các trường đại học/cao đẳng tư thục (lĩnh vực KHXH) chủ yếu chỉ tham gia đào tạo cử nhân khối ngành kinh tế - quản trị kinh doanh, tài chính - ngân hàng, ngoại ngữ.

III. NHỮNG HẠN CHẾ TRONG MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG NGHIÊN CỨU VỀ KHOA HỌC XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Với tinh thần xây dựng và hoàn toàn đứng trên quan điểm nhìn nhận vấn đề từ góc độ khoa học, xin được nêu một số điểm chưa được, từ cấu trúc hệ thống đến phương thức vận hành của hệ thống nghiên cứu về KHXH ở nước ta hiện nay. Mong rằng các ý kiến được nêu lên để cùng trao đổi, phân tích để từ đó có được sự thống nhất nhằm xây dựng được mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về KHXH hợp lý và hiệu quả, đóng góp được tốt hơn cho sự phát triển của bản thân ngành KHXH và quan trọng hơn là sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1. Các tổ chức nghiên cứu về khoa học xã hội của Nhà nước phát triển thiếu tập trung, phân tán về nguồn lực

Các tổ chức nghiên cứu về KHXH của Nhà nước phát triển có thể nói là không hoặc ít theo quy hoạch. Đặc biệt là khối ngành kinh tế (kinh tế Việt Nam, kinh tế thế giới, kinh tế ngành, kinh tế vùng, kinh tế địa phương...). Sự phát triển mạnh mẽ về số lượng trong hoàn cảnh ngân sách dành cho KH&CN nói chung, KHXH nói riêng còn hạn chế, dẫn tới tình trạng các viện hoạt động ít hiệu quả, nhiều vấn đề nghiên cứu bị trùng lặp (quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh), nhưng nhiều vấn đề rất quan trọng cho phát triển đương đại lại không được đáp ứng (dự báo phát triển kinh tế, xã hội học phát triển, thống kê, phân tích kinh tế).

2. Các tổ chức nghiên cứu về khoa học xã hội của các trường đại học chưa được tổ chức một cách khoa học và hợp lý, đầu tư của Nhà nước còn thấp

Các tổ chức nghiên cứu về KHXH của các trường đại học hiện nay hoạt động chủ yếu theo nguyên tắc tự trang trải, cán bộ nghiên cứu chủ yếu đến từ bộ môn, khoa, trường và cả ngoài trường, làm việc chủ yếu do tự nguyện

và mang tính kiêm nhiệm. Do đó có quy mô nhỏ, hoạt động phụ thuộc rất nhiều vào uy tín của các nhà khoa học đầu ngành.

Để làm rõ vấn đề này, không gì tốt hơn là khảo sát các tổ chức nghiên cứu về KHXH ở hai trường đại học lớn nhất nước về KHXH, đó là Trường đại học KHXH&NV (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Trường đại học KHXH&NV (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường đại học KHXH&NV (Đại học Quốc gia Hà Nội) có 11 trung tâm nghiên cứu, đó là:

- Trung tâm Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương;
- Trung tâm Nghiên cứu giới và phát triển;
- Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc;
- Trung tâm Nghiên cứu văn hóa quốc tế;
- Trung tâm Nghiên cứu tôn giáo đương đại;
- Trung tâm Nghiên cứu dân số và công tác xã hội;
- Trung tâm Nghiên cứu và phân tích chính sách;
- Trung tâm Nghiên cứu tư vấn phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số;
- Trung tâm Hỗ trợ và tư vấn pháp lý;
- Trung tâm tiếng Hàn và nghiên cứu Hàn Quốc;
- Trung tâm Ngoại ngữ và xúc tiến trao đổi giáo dục quốc tế.

Trường Đại học KHXH&NV (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) có 9 trung tâm nghiên cứu về KHXH&NV, đó là:

- Trung tâm Tư vấn hướng nghiệp và phát triển nguồn nhân lực;
- Trung tâm Ngoại ngữ;
- Trung tâm Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Trung tâm Nghiên cứu tư vấn phát triển xã hội;
- Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam - Đông Nam Á;
- Trung tâm Nghiên cứu tôn giáo;
- Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản;
- Trung tâm Hàn Quốc học;
- Trung tâm Thông tin giáo dục Đài Loan.

Nhìn vào danh sách các trung tâm kê trên, có thể thấy rằng dường như không có “một nhà thiết kế quy hoạch” cho các trung tâm, khá tản mạn, thiếu tính hệ thống và thậm chí có sự trùng lặp (ví dụ mảng nghiên cứu về *phát triển nguồn nhân lực*).

Điều rất đáng trân trọng là cả hai trường đại học nêu trên đều xác định mục tiêu của hoạt động nghiên cứu khoa học là hướng tới việc xây dựng trường thành một trường đại học nghiên cứu (Research University) và phấn đấu đạt đẳng cấp khu vực. Chúng tôi tin tưởng vào điều đó và cho rằng muốn thế phải xúc tiến các công việc: thiết kế lại một cách khoa học và hệ thống các trung tâm, kiến nghị Nhà nước tăng mạnh đầu tư cho các trung tâm, từ đó tiến tới chuyển dần một số nghiên cứu KHXH về các trường đại học.

3. Mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở Viện Khoa học xã hội Việt Nam có cấu trúc chưa hợp lý

Cấu trúc chưa hợp lý được thể hiện ở một số điểm sau đây:

- Cấu trúc hình tia nên vừa thừa vừa thiếu

Hiện nay, tại Viện KHXH Việt Nam có 3 viện nghiên cứu về châu Á (Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Nghiên cứu Trung Quốc); một Viện Nghiên cứu châu Âu, một Viện Nghiên cứu châu Mỹ. Nếu theo sơ đồ hình tia, sẽ thấy rõ khiếm khuyết là trong sơ đồ cấu trúc hoàn toàn vắng bóng khu vực Tây Á, Châu Phi và Châu Úc.

Đó là phần “thiếu”. Còn phần “thừa” thì sao? Rõ ràng về mặt địa lý và truyền thống văn hóa, Trung Quốc là một nước Đông Á. Vậy thì nên chăng phải tách thành 2 viện là Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á và Viện Nghiên cứu Trung Quốc?

- Cấu trúc hiện tại có sự trùng lặp

Người ta dễ dàng đặt câu hỏi vì lý do gì trong cùng Viện KHXH Việt Nam lại phải có tới 2 viện kinh tế (Viện Kinh tế Việt Nam và Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới)? Hiển nhiên không phải vì Viện Kinh tế Việt Nam chỉ nghiên cứu những vấn đề nội tại của nền kinh tế Việt Nam.

Nghiên cứu sắp xếp để có một Viện Hàn lâm KHXH xứng đáng với đất nước gần 86 triệu dân là việc nên làm. Xin được nhắc lại, sắp xếp để có cấu trúc hợp lý chứ không phải là nhiều hay ít, không phải là giảm quy mô, giảm biên chế. Biết đâu, ít mà tinh, ít mà mạnh, ít nhưng lại cần thiết phải được tăng cường các nguồn lực (nhân lực, tài lực...) cho phát triển.

4. Mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta bước đầu vận hành theo mô hình xã hội hóa nhưng vận hành chưa suôn sẻ

Mô hình xã hội hóa thể hiện ở chỗ hệ thống các tổ chức nghiên cứu về KHXH ở nước ta bao gồm các tổ chức nghiên cứu về KHXH của Nhà nước, các tổ chức nghiên cứu về KHXH của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và tư nhân. Mục tiêu của Đảng và Nhà nước là huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển đất nước. Các nhà KHXH mong muốn thông qua hoạt động khoa học của mình đóng góp cho phát triển đất nước, phát triển các cộng đồng, các dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em. Có thể nói bản thân hoạt động khoa học mang tính xã hội và tính nhân văn cao cả. Chính vì vậy không nên lợi dụng đường lối xã hội hóa hoạt động KH&CN để thực hiện “chính trị hóa” hoạt động khoa học, phản lại lợi ích của dân tộc, của đất nước. Đó là điều không nên và cũng không thể.

5. Mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta chưa thực sự gắn bó với sản xuất và xã hội

Trong không ít trường hợp, chúng ta quen đề xuất những vấn đề nghiên cứu mà “chúng ta có” hoặc một số ít trường hợp theo đơn đặt hàng của Nhà nước (ví dụ nghiên cứu làm rõ vùng đất Đồng bằng sông Cửu Long thuộc Việt Nam là vấn đề rõ ràng từ trong lịch sử), chứ không hẳn xuất phát từ nhu cầu của sản xuất và đời sống xã hội. Xin được mạo muội nêu một số vấn đề:

- Dự báo phát triển kinh tế, các ngành kinh tế (gạo, cà phê, cao su...);
- Tâm lý người trồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng (gắn với tập quán, phương thức canh tác, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, tiêu thụ hàng hóa...) đi liền với hiệu quả sản xuất và chất lượng cuộc sống;
- Vì sao đào tạo cử tuyển cho các vùng nông thôn và miền núi kém hiệu quả và giải pháp khắc phục?
- Người dân đánh cá và vấn đề bảo vệ vùng biển của Tổ quốc;
- Những vấn đề cần nghiên cứu theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp;
- Đào tạo nhân lực cho doanh nghiệp.

Càng gắn bó với sản xuất và xã hội, khoa học càng có hiệu quả, có tính phục vụ cao. Hơn thế nữa, trong không ít trường hợp có thêm nguồn tài chính cho phát triển.

IV. KHUYẾN NGHỊ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG NGHIÊN CỨU VỀ KHOA HỌC XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Trên cơ sở nghiên cứu về những mặt được (positive) và những mặt chưa được (negative) của mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu về KHXH ở nước ta hiện nay, xin được nối tiếp bằng các khuyến nghị đổi mới mô hình đó với mục tiêu hoàn thiện mô hình phục vụ nhiều hơn, tốt hơn cho đất nước (trong đó đã bao hàm cải thiện không gian làm việc và chất lượng cuộc sống tinh thần và vật chất của nhà khoa học).

1. Đổi mới hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta theo mô hình tập trung hóa các cơ sở nghiên cứu của Nhà nước

Tập trung hóa các cơ sở nghiên cứu về KHXH của Nhà nước dựa trên các định hướng sau đây:

a. Đổi mới cấu trúc hệ thống các viện nghiên cứu của Viện KHXH Việt Nam theo hướng hợp lý và tập trung các nguồn lực cho phát triển.

- Từ bỏ sơ đồ hình tia, không xây dựng viện nghiên cứu theo nước (lớn), nhóm nước hay châu lục;
- Có thể tham khảo ý kiến thay thế các viện trên bằng việc xây dựng 3 viện theo trình độ phát triển của đối tượng nghiên cứu: Viện Nghiên cứu các nước phát triển, Viện Nghiên cứu các nước đang phát triển và Viện Nghiên cứu các nước kém phát triển;
- Kết hợp để có một viện nghiên cứu kinh tế duy nhất;
- Có thể xem xét kết hợp các viện ngôn ngữ học và văn học, triết học và xã hội học, chính trị và tôn giáo.

Những ý kiến trên mang tính phác thảo. Trong thực tế khi triển khai, cần có các nghiên cứu, bàn thảo kỹ giữa các nhà quản lý với các nhà khoa học.

b. Đối với các cơ sở nghiên cứu về KHXH khác do Ngân sách Nhà nước đầu tư cũng cần nghiên cứu sắp xếp theo hướng tập trung hóa, tất cả vì sự phát triển quốc gia và phù hợp với tiềm lực kinh tế của đất nước. Thực tế hiện nay có không ít viện của Nhà nước và của Đảng là trùng lặp, có lẽ nên nghiên cứu và sắp xếp lại cho hợp lý.

c. Đối với các cơ sở nghiên cứu về KHXH không do Ngân sách đầu tư thì khuyến khích phát triển và tăng cường quản lý bằng hệ thống quy định pháp luật và pháp quy kết hợp với công tác kiểm tra.

2. Đổi mới hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta theo mô hình tăng cường tính tự quản (autonomy)

Tính tự quản ở đây được hiểu là tự chủ trong quản trị, tự chủ trong xây dựng thương hiệu, tự chịu trách nhiệm về mọi hoạt động. Nói một cách diễn giải, tự quản bao gồm:

- Tự chủ quyết định cấu trúc của viện (phòng, ban, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện, các tổ chức liên kết);
- Tự chủ lựa chọn lãnh đạo viện, ví dụ theo cơ chế bầu. Đối với người lãnh đạo cao nhất ở các viện của Nhà nước, kết quả bầu hoặc thăm dò ý kiến là cơ sở để cấp có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm;
- Tự chủ quyết định đội ngũ nhân lực của viện cũng như của các đơn vị trực thuộc (cơ hữu, kiêm nhiệm, thỉnh giảng) một cách mềm dẻo và linh hoạt. Bằng cách này có thể giảm tới mức hợp lý lực lượng lao động gián tiếp (nhược điểm cố hữu ở các viện của Nhà nước là lực lượng này thường quá lớn mà rất khó giải quyết vì rất nhiều lý do khác nhau);
- Tự chủ quyết định các chức danh khoa học giáo sư/phó giáo sư của viện;
- Tự chủ quyết định hướng phát triển;
- Tự chủ quyết định về tài chính trên cơ sở tôn trọng các quy định của Nhà nước;
- Tự chủ khai thác các nguồn tài chính;
- Tự chủ trong hợp tác và liên kết trong nước và quốc tế;
- Tự chủ trong hoạt động đánh giá và tự đánh giá các hoạt động của Viện;
- Tự chủ trên cơ sở dân chủ và công khai, minh bạch.

Làm được những điều trên, chắc chắn viện sẽ có sự phát triển, bao gồm cả phát triển thương hiệu trong và ngoài nước. Một khi cả hệ thống các viện nghiên cứu đều hoạt động theo mô hình autonomy, hoạt động quản lý Nhà nước về KH&CN sẽ rất “nhàn” và hiệu quả.

3. Đổi mới hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta theo mô hình tăng cường liên kết với các trường đại học

Liên kết với các trường đại học được xem như thước đo về quy mô, uy tín và hiệu quả hoạt động của các viện nghiên cứu về KHXH&NV. Trong bài viết này, xin được trình bày một cách hệ thống về các thành tố phản ánh sự liên kết giữa các viện nghiên cứu khoa học với các trường đại học về KHXH như sau:

- Liên kết mang tính tự thân và tự nguyện giữa hai (hoặc nhiều hơn) đối tác;
- Liên kết phải mang lại hiệu quả và lợi ích cho các bên, dựa trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi;
- Liên kết với các trường đại học về KHXH, viện nghiên cứu khoa học có thể cử các cán bộ nghiên cứu có trình độ cao tham gia giảng dạy ở các trường đại học theo chế độ thỉnh giảng/kiêm nhiệm, giúp các trường tăng cường nguồn nhân lực trình độ cao mà không cần tăng số giảng viên cơ hữu;
- Liên kết với các trường đại học về KHXH, các viện nghiên cứu khoa học có cơ hội thúc đẩy hoạt động đào tạo nhân lực KHXH&NV trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ thông qua sự liên kết với các trường đại học theo quy định của Luật Giáo dục. Các viện nghiên cứu khoa học sẽ được thụ hưởng lợi thế về chương trình đào tạo, kinh nghiệm đào tạo, giáo trình đào tạo của các trường đại học;
- Liên kết với các trường đại học về KHXH, các giảng viên của các bộ môn có thể tới các viện đọc bài giảng đào tạo sau đại học;
- Liên kết với các trường đại học về KHXH, các nghiên cứu viên và giảng viên có thể cùng tham gia các đề tài nghiên cứu, cùng biên soạn giáo trình, viết các bài báo chung, cùng tham gia các hội thảo khoa học...;
- Liên kết giữa các trường đại học và các viện nghiên cứu về KHXH tạo điều kiện thúc đẩy xã hội hóa công tác đào tạo nhân lực KHXH có trình độ đại học/cao đẳng. Đó là sự giao lưu trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học khối “của Nhà nước” và khối “không của Nhà nước”. Điều này đặc biệt có lợi cho khối các trường đại học/cao đẳng tư thục (lĩnh vực KHXH).

4. Đổi mới hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta theo mô hình xã hội hóa hoạt động khoa học

Hệ thống các văn bản luật và dưới luật đã ban hành đã thể hiện rõ đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước trong việc thực hiện xã hội hóa hoạt động KH&CN. Nhà nước khuyến khích mọi tổ chức và cá nhân tiến hành các hoạt động khoa học trong tất cả các lĩnh vực: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học nông nghiệp, khoa học y dược, KHXH&NV.

Đổi mới hệ thống nghiên cứu về KHXH ở nước ta theo mô hình xã hội hóa hoạt động khoa học được thể hiện cơ bản như sau:

- Hệ thống các tổ chức nghiên cứu về KHXH thuộc mọi thành phần kinh tế được hoạt động bình đẳng trước pháp luật và trên cơ sở tôn trọng pháp luật;
- Hệ thống các tổ chức nghiên cứu về KHXH được bình đẳng trong đấu thầu thực hiện các đề tài/dự án;
- Hệ thống nghiên cứu về KHXH trong các trường đại học/cao đẳng về KHXH cần được phát triển mạnh mẽ hơn, được tăng cường đầu tư hơn. Trên cơ sở đó, tiến tới chuyển dần một số tổ chức nghiên cứu về các trường đại học;
- Nghiên cứu cấu trúc lại một cách hợp lý và khoa học hệ thống các tổ chức nghiên cứu về KHXH của Nhà nước theo hướng: không trùng lặp, không “cát cứ”, không tản mạn, trên cơ sở đó tăng cường đầu tư cho hệ thống;
- Đa dạng hóa nguồn vốn dành cho nghiên cứu, đào tạo phát triển nguồn nhân lực và các dịch vụ khoa học khác tại các tổ chức nghiên cứu thuộc mọi thành phần kinh tế;
- Hoàn thiện các chính sách và quy chế thúc đẩy liên kết vì mục tiêu sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển của hệ thống các tổ chức nghiên cứu về KHXH thuộc mọi thành phần kinh tế.

5. Đổi mới hệ thống nghiên cứu về khoa học xã hội ở nước ta theo mô hình “tồn tại cùng phát triển với xã hội và thị trường”

Nói đến “tồn tại cùng phát triển” là rất gần với khái niệm “cộng sinh” trong sinh học. Theo nghĩa rộng, hệ thống nghiên cứu về KHXH phải nghiên cứu, đề xuất và tư vấn phát triển cho đất nước, cho các địa phương, cho các doanh nghiệp, các cộng đồng, các dân tộc, các giới... Hoạt động KHXH phải chứng tỏ rằng mình tồn tại là thực sự cần thiết cho đất nước, xã hội và thị trường. Nhà nước sẽ là người cấp tài chính chủ yếu (trừ khu vực không của Nhà nước), nhưng như thế là không đủ, hệ thống nghiên cứu về KHXH cần phải gắn bó với xã hội, đóng góp cho phát triển xã hội thông qua các hợp đồng (nghiên cứu, tư vấn, đào tạo, dịch vụ), qua đó tăng cường cơ sở vật chất cho tổ chức và nâng cao chất lượng cuộc sống của cán bộ nghiên cứu.

Các cơ sở nghiên cứu về KHXH không của Nhà nước hiện nay đang phát triển theo hướng tự quản và tự chịu trách nhiệm. Các cơ sở này thường có quy mô nhỏ, tổ chức bộ máy gọn và linh hoạt, rất có điều kiện nhận được hỗ trợ tài chính (thông qua các đề tài/dự án) từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và các doanh nghiệp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Khoa học và Công nghệ. (2000)
2. Bộ KH&CN. (2009) *50 năm khoa học và công nghệ Việt Nam 1959 - 2009*. H.: NXB Khoa học và Kỹ thuật.
3. Đỗ Hoài Nam. (2009) *55-year development of the Academy of Social Sciences*. A social science review, N^o 58, June 2009.
4. Nguyễn Thị Anh Thu, Trần Xuân Định, Hoàng Xuân Long. (2000) *Đổi mới chính sách sử dụng nhân lực KH&CN trong cơ quan nghiên cứu và triển khai*. H.: NXB Khoa học xã hội.
5. Tạ Đức Thịnh. (2010) *Hoạt động KH&CN với phát triển giáo dục và đào tạo*. Báo Nhân Dân số 19858, 09/01/2010.
6. David Dapice. *Lựa chọn thành công*. Harvard University.
7. www.vass.gov.vn - website Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
8. www.vnu.vn - website Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. www.ush.edu.vn - website Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. www.vnuhcm.vn - website Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
11. www.hcmussh.edu.vn - website Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.